

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Ma Văn Đủ.

2. Ông Lương Văn Khoa.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị A – Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm CT, xã BG, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

(*Có mặt*)

**\*Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm CT, xã BG, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh. (*Vắng mặt lần 2 – không có lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị A trình bày:***

Chị khởi kiện anh Nguyễn Văn B – Địa chỉ: Xóm CT, xã BG, huyện V, B Thái Nguyên, lý do xin ly hôn.

Chị và anh Nguyễn Văn B lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã BG, V, Thái Nguyên.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia F1 – Sinh ngày 24/9/2016.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do trong quá trình chung sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn do anh B không chịu làm ăn, mãi chơi, rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến vợ con, ngoài ra còn nhiều mâu thuẫn khác mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên F1 nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Nếu anh B có nguyện vọng nuôi con chị đồng ý vì hiện tại cháu Nguyễn Gia F1 đang sinh sống cùng bố và ông bà nội.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Văn B.** Sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để anh B đến Tòa án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh B trốn tránh không đến, quá trình làm việc tại gia đình anh B, anh B có ý kiến:

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ mà vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; đối với các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị A, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn B.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Triệu Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia F1 – Sinh ngày 24/09/2016 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị Triệu Thị A vì anh B không yêu cầu.

Anh B và chị A có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

- Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa chị Triệu Thị A và anh Nguyễn Văn B.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Triệu Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn B nên chị Triệu Thị A là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị A: Cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Bởi lẽ, anh B và chị A lấy nhau có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã BG, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Về nguyên nhân ly hôn: Theo chị A, do trong quá trình chung sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn do anh B không chịu làm ăn, mãi chơi, rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến vợ con, ngoài ra còn nhiều mâu thuẫn khác mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên F1 nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay.

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai tại địa phương xác định vợ chồng chị A, anh B có mâu thuẫn trong gia đình, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau nữa.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị A.

[4] Về con chung: Anh B và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia F1 – Sinh ngày 24/09/2016.

Nguyên đơn chị A có ý kiến nếu anh B có nguyện vọng nuôi con chị đồng ý, về vấn đề cấp dưỡng chị sẽ tự nguyện và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh B có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu cần giao cháu Nguyễn Gia F1 – Sinh ngày 24/09/2016 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị Triệu Thị A vì anh B không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì đương sự không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Triệu Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tại phiên tòa là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Cho chị Triệu Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Gia F1 – Sinh ngày 24/09/2016 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị Triệu Thị A vì anh B không yêu cầu.

Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**Anh B** cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F1.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Triệu Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007743 ngày 20 tháng 10 năm 2020.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND B Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- UBND xã BG;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Kim Tuấn**